

Số: 776 /BVĐH-KD
V/v mời báo giá thuốc cung cấp
cho Nhà thuốc Bệnh viện
năm 2026

Linh Sơn, ngày 4 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đồng Hỷ có nhu cầu mua thuốc phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện.

Bệnh viện Đồng Hỷ kính mời các đơn vị quan tâm có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để Bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng. Nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đồng Hỷ

Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Trần Thị Thu Huyền- Phụ trách chuyên môn Nhà thuốc, số điện thoại: 0974.200.487, địa chỉ email: khoaduocbenhviendonghy@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận báo giá bằng một trong 2 hình thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-TTB-VTTYT, Bệnh viện Đồng Hỷ.

Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

- Nhận qua email: khoaduocbenhviendonghy@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ báo giá: Từ 07h30 ngày 8 tháng 9 năm 2026 đến 09h00 ngày 18 tháng 9 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc của Nhà thuốc Bệnh viện Đồng Hỷ (Theo phụ lục đính kèm).

1.1 Hồ sơ pháp lý công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao).

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm cung ứng (bản sao).

- Giấy chứng nhận “Thực hành tốt bảo quản thuốc” (bản sao).

- Giấy chứng nhận đạt “Thực hành tốt phân phối thuốc” (bản sao).

- Giấy chứng nhận “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (bản sao).

- Bản cam kết chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (Phụ lục 1)

1.2 Hồ sơ sản phẩm

- Báo giá đơn vị cung cấp (Phụ lục 2)

- Giấy phép lưu hành sản phẩm/Quyết định đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho và cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Mẫu nhãn, hướng dẫn sử dụng bằng tiếng việt, kê khai giá.

- Quyết định trúng thầu trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày thông báo mời báo giá (nếu có).

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Giao hàng tại khoa Khoa Dược-TTB-VTTYT, Bệnh viện Đồng Hỷ. Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% bằng chuyển khoản, bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

5. Các thông tin khác: Giá chào là đồng Việt Nam (VNĐ) và phải bao gồm các loại thuế, công vận chuyển và tất cả các chi phí phát sinh khác có liên quan đến việc cung cấp hàng hóa./.

GIÁM ĐỐC

Triệu Văn Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2026

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Đồng Hỷ

Tên công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Người đại diện: Chức vụ:

Tất cả các hồ sơ Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh tra kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện:

1. Cam kết đảm bảo chất lượng hàng hóa

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa về hãng sản xuất, nước sản xuất.

- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp hàng đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. Cam kết về giá

- Chúng tôi cam kết giá của các sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc Bệnh viện là thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/ kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cam kết về cung ứng sản phẩm

- Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc Bệnh viện. Đáp ứng đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.

- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu điều kiện ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc có yêu cầu quản lý đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện.

Đại diện hợp pháp của Công ty (doanh nghiệp)

(Ký tên, đóng dấu)

Tên công ty:
Địa chỉ:
Số điện thoại:

BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Đồng Hỷ

Công ty kính gửi Bệnh viện Đồng Hỷ báo giá sản phẩm công ty có khả năng cung cấp cho nhà thuốc Bệnh viện. Cụ thể như sau:

STT	Tên hoạt chất theo GPLHSP	Tên thuốc theo GPLHSP	Nồng độ- Hàm lượng theo GPLHSP	Dạng bào chế GPLHSP	Đường dùng GPLHSP	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số GPLHSP hoặc GPNK	Sơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Đơn giá (Có VAT)	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng (số QĐ; ngày QĐ, Tên đơn vị trúng thầu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

Báo giá này có hiệu lực trong..... ngày, (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày tháng năm 2026

....., ngày tháng năm 2026
Đại diện hợp pháp của Công ty (Doanh nghiệp)
(Ký tên, đóng dấu)



DANH MỤC HÀNG HÓA
(Kèm theo công văn số 76/BVĐH-KD ngày 04/09/2026 của Bệnh viện Đồng Hỷ)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính
1	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride. 1H ₂ O 873mg)	750mg	Uống	Viên	N1	Viên
2	Ambroxol hydroclorid	0,9g/150ml-150ml	Uống	Siro	N2	Lọ
3	Natri montelukast	5mg	Uống	Viên	N1	Viên
4	Bromhexine hydrochloride	12mg	Uống	Viên	N1	Viên
5	Amoxicilin + Acid clavulanic	(80mg/ml, 11,4mg/ml) x 140ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N1	Chai
6	Piracetam	1,2g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	N1	Gói
7	Desloratadin	0.5mg/ml x 100ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N2	Lọ
8	Ginkgo biloba	120mg	Uống	Viên nang cứng	N1	Viên
9	Dexlansoprazol	60mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	N5	Viên
10	Nebivolol	5mg	Uống	Viên	N1	Viên
11	Chất ly giải vi khuẩn đông khô tiêu chuẩn 40 mg tương đương chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae, Streptococcus (Diplococcus) pneumoniae, Klebsiella pneumoniae ssp. pneumonia và ssp. ozaenae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes và sanguinis (viridans), Moraxella (Branhamella/Neisseria) catarrhalis	7mg	Uống	Viên nang	N1	Viên
12	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	400mg	Uống	Viên	N1	Viên
13	Acid amin + glucose + lipid (*)	(11.3% 80ml + 11% 236ml + 20% 68ml)/ Túi 384ml	Tiêm truyền	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	N2	Túi
14	Acid amin + glucose + lipid	11,3% + 11% + 20%; 1040ml	Tiêm truyền	Nhũ tương truyền tĩnh mạch ngoại vi	N2	Túi
15	Calci lactat	300mg	Uống	Viên nén	N1	Viên
16	Galantamin	8mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	N1	Viên
17	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nang	N1	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính
18	Ubidecarenone (Coenzym Q10)	100 mg	Uống	Viên nang	N5	Viên
19	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin PP + Vitamin B6 + Vitamin B12 + Sắt sulfat + Lysine HCl + Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	300IU + 50IU + 3mg + 3mg + 10mg + 3mg + 5mcg + 16,5mg + 25mg + 5mg + 5mg	Uống	Viên nang mềm	N4	Viên
20	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên	N1	Viên
21	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên	N1	Viên
22	Silymarin	140mg	Uống	Viên nang	N1	Viên
23	Salbutamol	1mg/ml x 2,5ml	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	N4	Ống
24	Salbutamol (sulfat)	5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	N4	Ống
25	Budesonid	0,25mg/ml x 2ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	N4	Lọ
26	Codein camphosulphonat + sulfogaiacol + cao mềm grindelia	25mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên nén bao đường	N4	Viên
27	Diacerein	50mg	Uống	Viên nang cứng	N1	Viên
28	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat)	70mg/10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Ống
29	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	50mg/10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Ống
30	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	50mg + 1,33mg + 0,7mg	Uống	Dung dịch uống	N1	Ống
31	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin natri	10mg + 6mg	Tiêm	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	N1	Ống
32	Calci glucoheptonat+Calci gluconat	(700mg+ 300mg)/10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Ống
33	Magnesium hydroxyd + nhôm hydroxyd + Simethicon	(800,4mg + 612mg + 80mg)/15g	Uống	Hỗn dịch uống	N4	Gói
34	Sắt protein succinylat	800mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Gói
35	Cao khô lá bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (tương đương với 28,8mg flavonol glycosid)	120mg	Uống	Viên nang cứng	N4	Viên
36	Arginin hydroclorid	1000mg/5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Ống
37	Amoxicilin + Acid clavulanic	600mg+ 42,9mg	Uống	Viên	N2	Viên
38	Fexofenadin	6mg/ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	ống

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính
39	Fexofenadin hydroclorid	60mg/10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	ống
40	Azithromycin	600mg/15ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N3	Chai
41	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	10mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Gói
42	Maginesi lactat dyhydrat + Magines pidolat + pyridoxin hydroclorid	(186mg+936mg+10mg)/10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Ống
43	Amoxicilin+ Acid clavulanic	(500mg+62.5mg)/5ml x 60ml	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	N2	Chai/lọ
44	Arginin hydroclorid	1g/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Ống
45	Arginin hydroclorid	1g/5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N4	Ống
46	N-Acetyl cystein	100mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	N4	Gói
47	Progesteron	200mg	Uống	Viên nang	N4	Viên
48	Pitavastatin calcium (tương đương Pitavastatin 2mg)	2mg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên
49	Budesonide (micronized) 100mcg/liều xịt	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt mũi, xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi, xịt mũi	N5	Hộp
50	Cao khô lá Bạch Quả	40mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	N3	Ống
51	L-Ornithin L-Aspartat 150mg	150mg	Uống	Viên nén\	N4	Viên
52	Ambroxol hydroclorid	7.5mg/ml x 60ml	Uống	Dung dịch uống	N4	Chai
53	Omeprazol + Natri bicarbonat	40mg + 1100mg	Uống	Viên nang	N4	Viên
54	Montelukast (dưới dạng Natri montelukast)	10 mg	Uống	Viên	N1	Viên
55	Desloratadin	Desloratadin 0,5mg/ml	Uống	Dung dịch uống	N1	Chai
56	Amoxicilin + Sulbactam	875mg + 125mg	Uống	Viên	N4	Viên
57	L-Ornithin - L- aspartat	2,5g/ 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	N4	Ống
58	Vitamin A + Vitamin D3+ Vitamin B1 +Vitamin B2+ Vitamin PP+ Vitamin B6 + Vitamin B12 + Sắt sulfat + Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat 5mg + Lysine HCl	300IU; 50IU; 3mg; 3mg; 10mg; 3mg; 5µg (mcg); 16,5mg; 5mg; 5mg; 25mg	Uống	Viên nang	N4	Viên
59	Ginkgo Biloba	120mg	Uống	Viên nang	N2	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính
60	Ubidecarenon	50mg	Uống	Viên nang	N4	Viên
61	Alpha tocopheryl acetate + Calcium (dưới dạng Calcium lactate pentahydrate) + Colecalciferol (dưới dạng Colecalciferol 1000IU/mg) + Dexpanthenol + Lysine hydrochloride + Nicotinamide + Pyridoxine hydrochloride + Riboflavin sodium phosphate + Thiamine hydrochloride	(7,5mg + 65,025mg + 200,025IU + 5,025mg + 150mg + 9,975mg + 3mg + 1,725mg + 1,5mg)/7,5ml; 60ml	Uống	Sirô	N4	Chai
62	Olopatadin hydroclorid	2mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch Nhỏ mắt	N4	Lọ
63	Glutathion (dưới dạng bột đông khô Glutathion natri)	1200mg	Tiêm truyền	Thuốc bột pha tiêm	N4	Lọ
64	L- Ornithin - L- Aspartat	1g/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	N4	Ống
65	Neomycin sulfat + polymyxin B sulfat + dexamethason	(35.000UI + 60.000UI + 10mg)/10ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	N4	Lọ
66	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel) + Simethicon (dưới dạng Simethicon nhũ dịch 30%)	(800 mg + 400 mg +80 mg)/10g	Uống	Hỗn dịch uống	N4	Gói
67	Rabeprazole natri	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	N4	Lọ
68	Cefixime	200 mg	Uống	Viên nang	N1	Viên
69	Mỗi túi có thể tích 1440ml gồm 3 ngăn chứa: -Dung dịch Glucose 11%: 885ml -Dung dịch các Acid amin: 300ml -Nhũ tương chất béo 20% : 255ml Hàm lượng hoạt chất trong mỗi túi 1440ml: Anhydrous glucose 97g; Alanine 4,8g; Arginine 3,4g; Aspartic acid 1g; Phenylalanine 2,4g; Glutamic acid 1,7g; Glycine 2,4g; Histidine 2g; Isoleucine 1,7g; Leucine 2,4g; Lysine hydrochloride 3,4g; Methionine 1,7g; Proline 2g; Serine 1,4g; Threonine 1,7g; Tryptophan 0,57g; Tyrosine 0,069g; Valine 2,2g; Sodium glycerophosphate (on anhydrous basis) 1,5g; Calcium chloride (on anhydrous basis) 0,22g; Potassium chloride 1,8g; Magnesium sulfate (on anhydrous basis) 0,48g; Sodium acetate (on anhydrous basis) 1,5g; Soybean oil 51g	Mỗi túi có thể tích 1440ml gồm 3 ngăn chứa: -Dung dịch Glucose 11%: 885ml -Dung dịch các Acid amin: 300ml -Nhũ tương chất béo 20% : 255ml Hàm lượng hoạt chất trong mỗi túi 1440ml: Anhydrous glucose 97g; Alanine 4,8g; Arginine 3,4g; Aspartic acid 1g; Phenylalanine 2,4g; Glutamic acid 1,7g; Glycine 2,4g; Histidine 2g; Isoleucine 1,7g; Leucine 2,4g; Lysine hydrochloride 3,4g; Methionine 1,7g; Proline 2g; Serine 1,4g; Threonine 1,7g; Tryptophan 0,57g; Tyrosine 0,069g; Valine 2,2g; Sodium glycerophosphate (on anhydrous basis) 1,5g; Calcium chloride (on anhydrous basis) 0,22g; Potassium chloride 1,8g; Magnesium sulfate (on anhydrous basis) 0,48g; Sodium acetate (on anhydrous basis) 1,5g; Soybean oil 51gg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	N5	Túi

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính
70	Acid folic + Pyridoxin hydroclorid + Sắt hydroxyd polymaltose complex	178,5mg;0,175mg;1mg	Uống	Viên nang	N4	Viên
71	Budesonid; Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 60 liều	Hít/Dạng hít	Thuốc bột để hít	BDG	Ống
72	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Hít/Dạng hít	Thuốc bột để hít	BDG	Ống
73	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Dạng hít	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	BDG	Bình
74	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticasone propionate 500mcg	50mcg/ 500mcg	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	BDG	Bình
75	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	BDG	Bình xịt
76	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate micronised); Fluticasone propionate (dạng micronised)	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 250mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	BDG	Bình xịt
77	Mỗi liều chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate 50mcg; Fluticasone propionate 250mcg)	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticasone propionate 250mcg	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	BDG	Bình
78	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
79	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat; Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
80	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	BDG	Gói
81	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	500mg + 62,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	BDG	Gói
82	Gliclazide	60mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	BDG	Viên
83	Gliclazide	30mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	BDG	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính
84	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Tiêm/ Tiêm truyền	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	BDG	Lọ
85	Umeclidinium (dạng bromide)+ vilanterol (dạng trifenate)	62,5mcg + 25mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc bột hít phân liều	BDG	Hộp
86	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	BDG	Bình
87	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	23,75mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	BDG	Viên
88	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5mg	5mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
89	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
90	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
91	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các Flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
92	Metformin hydrochlorid	500mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
93	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5 H2O)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
94	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột đông khô pha tiêm	BDG	Lọ
95	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	BDG	Viên
96	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	BDG	Bình xịt
97	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
98	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	BDG	Gói
99	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci; L-lysin acetat (tương đương với L-lysin); L-threonin; L-tryptophan; L-histidin; L-tyrosin	67,0 mg + 101,0 mg + 68,0 mg + 86,0 mg + 59,0 mg + 105,0 mg (tương đương với 75 mg L-lysin) + 53,0 mg + 23,0 mg + 38,0 mg + 30,0 mg.	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính
100	Dydrogesterone				BDG	
101	Fenofibrate (Nanoparticules)	145mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
102	Fenofibrate	200mg	Uống	Viên nang cứng	BDG	Viên
103	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	BDG	Viên
104	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
105	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên nén giải phóng biến đổi	BDG	Viên
106	Racecadotril	30mg/gói	Uống	Thuốc bột uống	BDG	Gói
107	Fenofibrate	160mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Viên
	Tổng 107 mặt hàng					

